

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
Mã chứng khoán: HAP
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Green, Số 7 Lô 28A đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: (84 225) 3556 002
Fax: (84 225) 3556 008
Người thực hiện công bố thông tin: Bùi Doãn Nhân – Phó Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ quy định về công bố thông tin, Công ty CP Tập đoàn HAPACO xin công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 4/2022, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO: www.hapaco.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 30/01/2023.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Bùi Doãn Nhân
Bùi Doãn Nhân



TẬP ĐOÀN HAPACO – CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02 /2023/CV-HAP

“V/v giải trình BCTC HN quý 4/2022”

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2023

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Về vấn đề này, Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO giải trình thay đổi của lợi nhuận quý 4 năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 4 năm 2022 của Công ty như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN quý 4/2022: - 31.001.823.144 đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN quý 4 /2021: 17.465.279.046 đồng.
- Chênh lệch giảm : - 48.467.102.190 đồng; Tỷ lệ giảm : - 277,51%.

Nguyên nhân:

Quý 4 Năm 2022 - Các Công ty thành viên đã cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước, tối giản các chi phí, đồng thời có hoàn nhập dự phòng đối với Công ty thành viên năm trước. Cùng với việc Công ty CP Bệnh viện Quốc tế Green kinh doanh không hiệu quả, dẫn đến lợi nhuận giảm 277,51% so cùng kỳ năm 2021.

Đây chính là những nguyên nhân làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTC hợp nhất quý 4 năm 2022 của Tập đoàn Hapaco giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng !

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - PHỤ TRÁCH

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT



VŨ XUÂN THỦY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		830.218.085.971	456.148.078.013
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.101.679.487	15.278.472.401
1. Tiền	111		37.101.679.487	15.278.472.401
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.000.000.000	27.618.149.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	363.842
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(214.242)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	156.000.000.000	27.618.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		523.210.485.934	315.395.866.753
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	62.862.979.099	80.484.942.797
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.490.813.338	3.235.934.842
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1.635.875.000	3.135.875.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	536.204.399.614	233.210.163.466
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(79.983.581.117)	(4.671.049.352)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	103.405.097.687	88.374.068.205
1. Hàng tồn kho	141		104.006.322.646	97.312.677.375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(601.224.959)	(8.938.609.170)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.500.822.863	9.481.521.054
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	229.997.949	221.395.417
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.660.017.688	9.260.125.637
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	610.807.226	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		521.374.802.517	346.842.377.673
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		29.600.000.000	58.252.400.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	29.600.000.000	58.252.400.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.665.232.673	50.424.149.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	35.791.829.612	45.132.591.073
<i>Nguyên giá</i>	222		274.450.473.386	270.587.077.079
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(238.658.643.774)	(225.454.486.006)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.873.403.061	5.291.558.709
<i>Nguyên giá</i>	228		10.902.598.210	10.902.598.210
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.029.195.149)	(5.611.039.501)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		953.800.448	1.616.556.394
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	953.800.448	1.616.556.394
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2c	446.077.979.068	232.754.990.393
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		426.402.495.350	195.878.402.543
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.424.251.523	41.424.251.523
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.748.767.805)	(4.547.663.673)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.077.790.328	3.794.281.104
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.077.790.328	3.794.281.104
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.351.592.888.488	802.990.455.686

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		77.328.817.831	77.236.163.753
I. Nợ ngắn hạn	310		77.313.817.831	77.221.163.753
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	13.258.111.532	12.648.319.538
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	5.516.440	368.515.210
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	26.966.183.506	30.948.497.725
4. Phải trả người lao động	314		5.438.697.268	5.938.145.201
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.861.391.035	7.909.554.749
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.840.798.133	4.368.656.534
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	21.643.525.703	14.807.412.610
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	299.594.214	232.062.186
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.000.000	15.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		15.000.000	15.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.274.264.070.657	725.754.291.933
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.274.264.070.657	725.754.291.933
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.110.977.720.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.110.977.720.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.926.940.219	29.926.940.219
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.034.589.828	64.034.589.828
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.165.738.039	70.792.600.464
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.815.777.042	30.680.572.611
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.349.960.997	40.112.027.853
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.729.872.571	9.304.741.422
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.351.592.888.488	802.990.455.686

Người lập biểu

Cao Thị Thủy Lan

Kế toán trưởng

Cao Thị Thủy Lan

Lập, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách

Vũ Xuân Thủy



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

	Mã số	TM	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
CHỈ TIÊU						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	157.467.798.077	146.229.797.166	625.410.902.975	497.919.255.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.1	700.000	210.968.000	22.808.074	249.317.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	157.467.098.077	146.018.829.166	625.388.094.901	497.669.937.607
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	110.245.843.805	110.722.255.982	458.106.677.889	403.616.914.204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VII.3	47.221.254.272	35.296.573.184	167.281.417.012	94.053.023.403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	118.271.822.945	740.306.127	127.342.174.192	13.717.568.220
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	45.395.899.335	409.718.830	49.388.263.529	3.273.284.060
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		1.855.409.744	(211.704.838)	5.661.148.020	2.651.860.392
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	348.243.921	-	755.014.305
9. Chi phí bán hàng	25	VII.5	6.372.188.251	7.982.801.273	29.680.077.438	25.148.186.054
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	144.390.096.049	6.802.224.542	197.344.877.577	28.308.719.785
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(30.665.106.418)	21.190.378.587	18.210.372.660	51.795.416.029
12. Thu nhập khác	31	VII.7	397.365.313	(553.368)	1.363.739.263	74.668.546
13. Chi phí khác	32	VII.8	809.328.516	34.609.196	1.959.489.448	102.817.379
14. Lợi nhuận khác	40		(411.963.203)	(35.162.564)	(595.750.185)	(28.148.833)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(31.077.069.621)	21.155.216.023	17.614.622.475	51.767.267.196
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	(75.246.477)	3.689.936.977	10.839.530.329	10.123.898.782
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(31.001.823.144)	17.465.279.046	6.775.092.146	41.643.368.414
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(28.161.005.746)	16.677.949.911	5.349.960.997	40.112.027.853
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.840.817.398)	787.329.135	1.425.131.149	1.531.340.561
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	61	301	61	723

Lập ngày 27 tháng 01 năm 2023
 Phó Tổng Giám đốc Phụ trách

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Cao Thị Thủy Lan

Cao Thị Thủy Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		53.290.928.147	51.767.267.196
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		13.690.076.216	17.972.514.345
- Các khoản dự phòng	03		84.176.037.444	42.230.894
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(125.923.460.579)	(13.992.484.617)
- Chi phí lãi vay	06		5.661.148.020	2.651.860.392
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.894.729.248	58.441.388.210
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(286.241.416.536)	(47.238.331.237)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.693.645.271)	(8.862.187.745)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.492.226.445)	(10.807.115.988)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(292.111.756)	(787.825.603)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		363.842	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.668.648.020)	(2.735.115.926)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.223.352.876)	(3.770.960.473)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.155.000.000)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(288.871.307.814)	(15.810.148.762)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.268.403.161)	(5.724.503.275)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		15.560.156	43.336.515
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(59.814.722.686)	(51.485.875.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(38.414.877.314)	60.432.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(474.648.919.033)	(94.611.654)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		360.219.539.773	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.438.350.646	14.741.510.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(206.473.471.619)	17.911.856.761

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		554.711.510.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		71.690.931.680	168.174.761.522
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(64.854.818.587)	(177.086.450.703)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(44.379.636.574)	(33.270.141.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		517.167.986.519	(42.181.830.611)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		21.823.207.086	(40.080.122.612)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	15.278.472.401	55.358.595.013
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	37.101.679.487	15.278.472.401

Người lập biểu


Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng


Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách


Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư tài chính, Sản xuất, thương mại và cung cấp dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Sản xuất bột giấy và giấy các loại;
 - Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
 - In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
 - Hoạt động của Bệnh viện./.
- Số lượng người lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2022** : là 1.018 người lao động (số đầu năm là 620 người)
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

6. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,91%	99,91%
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Thôn Nước Mát, Xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	84,82%	84,82%

7. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	49,50%	49,50%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của

công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết..

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Các tài sản khác	3 – 20

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được theo dõi riêng là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số IX.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	881.987.242	2.321.058.539
Tiền gửi ngân hàng	36.219.692.245	12.957.413.862
Cộng	<u>37.101.679.487</u>	<u>15.278.472.401</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	363.842	149.600	(214.242)
Cổ phiếu	-	-	-	363.842	149.600	(214.242)
Cộng	-	-	-	<u>363.842</u>	<u>149.600</u>	<u>(214.242)</u>

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	156.000.000.000	156.000.000.000	27.618.000.000	27.618.000.000
Cộng	<u>156.000.000.000</u>	<u>156.000.000.000</u>	<u>27.618.000.000</u>	<u>27.618.000.000</u>

(*) Trong đó có các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 15.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1904300012 ngày 19 tháng 02 năm 2019.

c) Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	426.402.495.350		195.878.402.543	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	426.402.495.350		195.878.402.543	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	41.424.251.523	21.748.767.805	41.424.251.523	4.547.663.673
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	4.748.767.805	23.624.251.523	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hanfinco	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	2.547.663.673
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần An Bình	450.000.000	-	450.000.000	-
Quỹ tín dụng thành phố Yên Bái	350.000.000	-	350.000.000	-
Cộng	<u>467.826.746.873</u>	<u>21.748.767.805</u>	<u>237.302.654.066</u>	<u>4.547.663.673</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động SXKD chính
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	49,50%	49,50%	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	6,64%	6,64%	Môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Hafinco	Đầu tư Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng	15,00%	15,00%	Hoạt động tư vấn quản lý
Công ty Cổ phần Tiên Sa	Đông được Phường Hải Tân, Hải Dương	20,00%	20,00%	Kinh doanh đồng được

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	406.347.300	1.666.247.404
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	406.347.300	-
Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Green	32.948.000	7.685.000
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	-	1.658.562.404
Phải thu các khách hàng khác	62.423.683.799	78.818.695.393
Công ty HOUH YOW ENTEPRISE	26.314.583.254	34.666.512.613
Công ty CP Bao Bì Ống Giấy Hải Dương	3.725.438.989	-
XUZHOU SHUANGXING ALUMIUM INDUSTRY CO.,LTD	2.872.805.775	-
Công ty TNHH công nghiệp Sao Đỏ Việt Nam	2.599.070.194	4.686.348.392
Công ty cổ phần công nghệ Tri Việt	3.245.425.920	8.558.177.100
Các đối tượng khác	23.666.359.667	30.907.657.288
Cộng	62.862.979.099	80.484.942.797

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Cơ Điện Tử Trường Phú	-	-	856.000.000	-
Công ty CP Kỹ Thuật Công Nghệ Và Xây Dựng Biển Đông	900.000.000	-	900.000.000	-
Công ty CP tập đoàn Phát Đạt VN	754.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	836.813.338	-	1.479.934.842	-
Cộng	2.490.813.338	-	3.235.934.842	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.135.875.000	3.135.875.000
Công ty Cổ phần Bao Bì Ống Giấy Hải Dương		2.000.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	1.135.875.000	1.135.875.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	500.000.000	-
Các đối tượng khác	500.000.000	-
Cộng	1.635.875.000	3.135.875.000

b) Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green		28.652.400.000
Công ty TNHH Vida Hải phòng (1)	29.600.000.000	29.600.000.000
Cộng	29.600.000.000	58.252.400.000

(1) Là khoản phải thu về cho vay dài hạn Công ty TNHH Vida Hải phòng theo Hợp đồng cho vay số 02-HĐV/HAP-VIDA ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty TNHH Vida Hải phòng. Số dư công nợ phải thu về cho vay của Công ty TNHH Vida Hải phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 29.600.000.000 VND.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	119.804.303.901		123.091.024.570	
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	2.400.000.000		1.400.000.000	
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về góp vốn thừa đầu tư tại Bệnh viện	114.893.424.570	-	114.893.424.570	
Phải thu tiền cổ tức Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	2.510.879.331		6.797.600.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	416.400.095.713	25.778.776.717	110.119.138.896	154.710.948
Tạm ứng	2.155.000.000	-	200.000.000	-
Tạm ứng cho Văn phòng Đại diện của Tập đoàn tại số 47 Phố Mới - Huyện Thủy Nguyên - TP Hải Phòng thực hiện dự án Bệnh viện Việt - Hàn	8.407.819.000	-	8.397.819.000	-
Tiền lãi hợp đồng tiền gửi	685.440.275	-	387.581.359	-
Công ty CP Dệt may Hapaco	45.008.909.422	-	45.008.909.422	-
Ủy thác đầu tư chứng khoán	45.450.000.000	25.624.065.769	45.450.000.000	-
Phải thu chuyển nhượng cổ phần (Công ty mẹ Chuyển nhượng Green)	267.800.000.000	-		-
Phải thu công nợ ứng trước cho cá nhân thực hiện công việc của Tập đoàn	9.471.400.000	-	9.471.400.000	-
Phải thu chuyển nhượng cổ phần - Vũ Đình Trọng (Giấy HP Chuyển nhượng Green)	35.800.000.000			
Các đối tượng khác	1.621.527.016	154.710.948	1.080.114.313	154.710.948
Cộng	536.204.399.614	25.778.776.717	233.210.163.466	154.710.948

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Năm nay</u>
<i>Số đầu năm</i>	(4.671.049.352)
Tăng trong năm	(75.312.531.765)
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	<u>(79.983.581.117)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	44.210.343.439	(157.028.618)	35.991.935.742	(379.173.793)
Công cụ, dụng cụ	1.549.025.291	(80.369.314)	1.529.568.936	(88.129.813)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.376.616.746		10.582.287.822	
Thành phẩm	41.149.376.704	(363.827.027)	46.223.343.810	(8.471.305.564)
Hàng hóa	1.367.082.224	-	465.598.209	-
Hàng gửi đi bán	1.353.878.242	-	2.519.942.856	-
Cộng	<u>104.006.322.646</u>	<u>(601.224.959)</u>	<u>97.312.677.375</u>	<u>(8.938.609.170)</u>

9. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Là Công cụ dụng cụ chờ phân bổ

b) Chi phí trả trước dài hạn

Là Công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	97.671.757.078	158.087.953.698	13.460.400.062	345.524.455	1.021.441.786	270.587.077.079
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	-	1.342.999.425	1.254.618.182	-	376.943.318	2.974.560.925
Tăng trong kỳ do đầu tư XD CB hoàn thành	956.598.182	-	-	-	-	956.598.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(67.762.800)	-	-	-	(67.762.800)
Số cuối năm	98.628.355.260	159.363.190.323	14.715.018.244	345.524.455	1.398.385.104	274.450.473.386
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	20.417.150.375	37.819.229.099	2.787.434.547	345.524.455	964.141.786	62.333.480.262
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	76.585.717.645	140.986.360.486	6.549.064.114	345.524.455	987.819.306	225.454.486.006
Khấu hao trong kỳ	5.608.434.826	6.509.847.271	1.095.281.721	-	58.356.750	13.271.920.568
Thanh lý, nhượng bán	-	(67.762.800)	-	-	-	(67.762.800)
Số cuối năm	82.194.152.471	147.428.444.957	7.644.345.835	345.524.455	1.046.176.056	238.658.643.774
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	21.086.039.433	17.101.593.212	6.911.335.948	-	33.622.480	45.132.591.073
Số cuối năm	16.434.202.789	11.934.745.366	7.070.672.409	-	352.209.048	35.791.829.612

Tài sản cố định có nguyên giá 455.798.081 VND (đã hết khấu hao) được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

11/5/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.641.732.932	1.260.865.278	10.902.598.210
Số cuối năm	9.641.732.932	1.260.865.278	10.902.598.210
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.696.912.224	914.127.277	5.611.039.501
Khấu hao trong kỳ	355.112.388	63.043.260	418.155.648
Số cuối năm	5.052.024.612	977.170.537	6.029.195.149
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.944.820.708	346.738.001	5.291.558.709
Số dư cuối năm	4.589.708.320	283.694.741	4.873.403.061

(*) Bao gồm:

(1) Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022, nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 5.845.229.650 VND và 1.315.176.594 VND.

(2) Giá trị quyền sử dụng đất 50 năm tại xí nghiệp Trần Yên của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn đã trả tiền một lần được phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.796.503.282 VND và 3.274.531.726 VND. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	953.800.448	1.616.556.394
Cộng	953.800.448	1.616.556.394

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>13.258.111.532</i>	<i>12.648.319.538</i>
Công ty cổ phần xây dựng số 15	1.294.044.600	1.294.044.600
Công ty TNHH đầu tư TM và SX Minh Tiến	951.731.969	600.422.130
Công ty TNHH Việt Thắng	1.039.527.432	-
Ông Nguyễn Văn Hữu	-	1.128.120.000
Công ty CP xây dựng TM và dịch vụ vận tải Đặng Khoa	1.000.000.000	2.521.919.450
Công ty TNHH cơ khí Hải Giang	880.000.000	-
Công ty TNHH HC Thành Phát	700.552.800	-
Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vận tải Tân Tiến	1.346.952.683	167.892.692
Công ty TNHH HC Thành Phát	-	786.765.100
Các nhà cung cấp khác	6.045.302.048	6.149.155.566
Cộng	13.258.111.532	12.648.319.538

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>5.516.440</i>	<i>368.515.210</i>
XUZHOU SHUANGXING ALUMINIUM INDUSTRY CO.,LTD	-	125.955.327
Công ty TNHH xưởng giấy Chánh Dương	-	208.098.000
Các đối tượng khác	5.516.440	34.461.883
Cộng	5.516.440	368.515.210

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Tăng do HN	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.347.068.514	-	18.384.549.817	18.990.047.343	-	1.741.570.988	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	27.275.660	27.275.660	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.359.331.079	-	10.839.530.329	14.223.352.876	-	23.585.595.758	610.087.226
Thuế thu nhập cá nhân	1.906.490.854	-	3.229.601.341	3.506.463.091	-	1.630.349.104	720.000
Thuế tài nguyên	8.974.593	-	116.745.089	117.052.026	-	8.667.656	-
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	326.632.685	-	4.004.575.695	4.331.208.380	-	-	-
Các loại thuế, phí, lệ phí khác	-	-	55.909.286	55.909.286	-	-	-
Cộng	30.948.497.725	-	36.658.187.217	41.251.308.662	-	26.966.183.506	610.807.226

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000007 ngày 31/05/2007 của UBND tỉnh Hà Giang thì Công ty Cổ phần Hải Hà được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trên lợi nhuận thu được và Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2020).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và các Công ty con khác nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Kê khai, nộp thuế theo quy định của nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.861.391.035	7.909.554.749
Tiền lương phép phải trả, tiền ăn ca, tiền nghỉ lễ	3.645.259.364	4.904.225.741
Chi phí lãi vay phải trả	-	7.500.000
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Cơ Điện Tử Trường Phú	-	1.070.000.000
Chi phí nước thải	65.562.000	53.957.000
Chi phí tiền điện	14.342.488	74.893.195
Cước vận chuyển	222.596.932	130.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.913.630.251	1.668.978.813
Cộng	5.861.391.035	7.909.554.749

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	650.000.000	1.550.010.669
Công ty Cổ Phần bệnh viện quốc tế Green		900.010.669
Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	650.000.000	650.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	3.190.798.133	2.818.645.865
Kinh phí công đoàn	239.286.374	246.661.954
Bảo hiểm xã hội	31.120.200	31.772.067
Bảo hiểm y tế	5.491.800	3.999.010
Bảo hiểm thất nghiệp và tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	3.647.881	3.096.998
Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	865.501.800	845.851.800
Cổ tức phải trả cổ đông	31.937.770	35.289.170
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.013.812.308	1.651.974.866
Cộng	3.840.798.133	4.368.656.534

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	21.643.525.703	21.643.525.703	14.807.412.610	14.807.412.610
Vay ngắn hạn ngân hàng	21.643.525.703	21.643.525.703	8.307.412.610	8.307.412.610
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn (1)	7.582.504.223	7.582.504.223	2.962.468.610	2.962.468.610
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (2)	14.061.021.480	14.061.021.480	5.344.944.000	5.344.944.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	-	6.500.000.000	6.500.000.000
Cộng	21.643.525.703	21.643.525.703	14.807.412.610	14.807.412.610

(1) Là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/783193/HĐTĐ ngày 12 tháng 05 năm 2022 gồm các điều khoản sau: Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; Lãi suất vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng; Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản của bên vay là xe Toyota Innova biển kiểm soát 21H-5738 và Quyền sử dụng đất 50 năm tại xí nghiệp Trần Yên. Hạn mức tín dụng là 8.000.000.000 VND và 150.000 USD

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202126060107-2022 ký ngày 07 tháng 04 năm 2022. Hạn mức cấp tín dụng là 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ đồng) và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn hiệu lực của Hạn mức là 12 tháng. Lãi suất và mục đích vay được quy định cụ thể trong từng Văn kiện tín dụng trên cơ sở có 365 ngày. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng 4 hợp đồng tiền gửi sau:

+ Tài sản 01: Hợp đồng tiền gửi số 03004386098/EA046030 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 30/01/2018 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải phòng. Giá trị tài sản 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng)

+ Tài sản 02: Hợp đồng tiền gửi số 02/2018/STB-GHP/030045900076/EA054212 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 17/05/2018 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải phòng. Giá trị tài sản 9.400.000.000 VNĐ (Chín tỷ bốn trăm triệu đồng)

+ Tài sản 03: Hợp đồng tiền gửi số 04/2018/STB-GHP/030050759098/EA063412 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 21/12/2018 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải phòng. Giá trị tài sản 3.600.000.000 VNĐ (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng)

+ Tài sản 04: Hợp đồng tiền gửi số 05/2018/STB-GHP/030051101010/EA063419 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 27/12/2019 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải phòng. Giá trị tài sản 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.307.412.610	71.190.931.680	(57.854.818.587)	21.643.525.703
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	2.962.468.610	19.080.256.130	(14.460.220.517)	7.582.504.223
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	5.344.944.000	52.110.675.550	(43.394.598.070)	14.061.021.480
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	6.500.000.000	500.000.000	(7.000.000.000)	-
	14.807.412.610	71.690.931.680	(64.854.818.587)	21.643.525.703

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	232.062.186	182.532.028	(115.000.000)	299.594.214
Quỹ thưởng ban điều hành	-	2.040.000.000	(2.040.000.000)	-
Cộng	232.062.186	2.222.532.028	(2.155.000.000)	299.594.214

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.570.790.000)	64.034.589.828	64.187.695.211	7.748.601.792	717.593.247.050
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	31.944.069	31.944.069
Chi trả cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(33.282.690.600)	(7.145.000)	(33.289.835.600)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	40.112.027.853	1.531.340.561	41.643.368.414
Giảm khác	-	-	-	-	(224.432.000)	-	(224.432.000)
Số dư cuối năm trước	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.570.790.000)	64.034.589.828	70.792.600.464	9.304.741.422	725.754.291.933
Số dư đầu năm nay	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.570.790.000)	64.034.589.828	70.792.600.464	9.304.741.422	725.754.291.933
Tăng vốn trong kỳ (*)	554.711.510.000	-	-	-	-	-	554.711.510.000
Chi trả cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(44.376.285.174)	-	(44.376.285.174)
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	34.697.903.129	-	34.697.903.129
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	5.349.960.997	1.425.131.149	6.775.092.146
Giảm khác	-	-	-	-	(3.298.441.377)	-	(3.298.441.377)
Số dư cuối năm nay	1.110.977.720.000	29.926.940.219	(4.570.790.000)	64.034.589.828	63.165.738.039	10.729.872.571	1.274.264.070.657

(*) Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 số 85/2021/HAP - HĐQTCD ngày 16 tháng 8 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco như sau:

Phát hành 55.471.151 cổ phiếu; Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông; Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần; Khối lượng cổ phần phát hành thêm: 55.471.151 cổ phần; Giá trị cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 554.711.510.000 VND.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK về việc đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Đến ngày 07 tháng 03 năm 2022 Công ty đã nhận được Công văn số 1089/UBCK-QLCB về việc Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco. Theo đó Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco đã thực hiện phân phối 55.471.151 cổ phiếu đạt 100% số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đồng Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	111.097.772	51.520.236
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	111.097.772	55.626.621
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	111.097.772	55.626.621
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.470	155.470
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.942.302	55.471.151
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	110.942.302	55.471.151
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Chi tiết số dư ngoại tệ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết số dư ngoại tệ USD	102.217,93	17.244,95

2. Chi tiết nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	21.130.134.967	21.130.134.967
Cộng	21.130.134.967	21.130.134.967

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	625.410.902.975	497.919.255.007
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	489.847.412.953	497.919.255.007
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	135.563.490.022	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(22.808.074)	(249.317.400)
Cộng	<u>625.388.094.901</u>	<u>497.669.937.607</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	399.352.089.521	403.616.914.204
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	67.084.212.080	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.329.623.712)	-
Cộng	<u>458.106.677.889</u>	<u>403.616.914.204</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay	2.088.454.693	4.488.869.880
Lãi trái tức	4.810.000.000	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	117.073.116.090	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.326.407.582	468.749.571
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	106.451.627	50.745.169
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.937.744.200	8.709.203.600
Cộng	<u>127.342.174.192</u>	<u>13.717.568.220</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.661.148.020	2.651.860.392
Lỗ chênh lệch tỷ đã thực hiện	711.687.855	611.227.892
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	42.825.203.901	8.800
Chi phí tài chính khác	190.223.753	10.186.976
Cộng	<u>49.388.263.529</u>	<u>3.273.284.060</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	71.359.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	162.338.544	162.338.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.316.839.515	18.862.904.690
Chi phí bằng tiền khác	7.200.899.379	6.051.583.820
Cộng	<u>29.680.077.438</u>	<u>25.148.186.054</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Chi phí cho nhân viên	19.026.813.465	17.300.563.970
Chi phí vật liệu quản lý	1.217.701.080	136.554.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.594.605.275	1.341.438.188
Thuế, phí và lệ phí	3.549.285.263	901.387.656
Dự phòng phải thu khó đòi	111.976.327.787	90.969.000
Phân bổ lợi thế thương mại	16.352.354.202	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.453.643.966	3.546.706.587
Chi phí bằng tiền khác	18.174.146.539	4.991.099.893
Cộng	<u>197.344.877.577</u>	<u>28.308.719.785</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi Thanh lý Tài sản cố định	14.145.596	39.396.832
Thu nhập khác	1.349.593.667	35.271.714
Cộng	<u>1.363.739.263</u>	<u>74.668.546</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	1.252.325.471	57.216.672
Thuế TNCN chuyển nhượng vốn	480.000.000	-
Chi phí khác	227.163.977	45.600.707
Cộng	<u>1.959.489.448</u>	<u>102.817.379</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.349.960.997	40.112.027.853
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.349.960.997	40.112.027.853
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>87.268.311</u>	<u>55.471.151</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>61,30</u>	<u>723,12</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	51.520.236	55.471.151
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 07 tháng 3 năm 2022	<u>35.748.075</u>	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>87.268.311</u>	<u>55.471.151</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo (VND)	<i>1.955.194.602</i>	<i>4.981.088.044</i>
Hội đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám đốc	<i>1.567.811.000</i>	<i>4.377.509.750</i>
Vũ Dương Hiền	480.937.000	1.385.588.000
Vũ Xuân Thủy	282.678.000	871.022.000
Vũ Xuân Cường	230.822.000	701.716.500
Vũ Xuân Thịnh	188.395.000	728.446.000
Nguyễn Đức Hậu	53.100.000	94.500.000
Lê Như Tiến	-	75.600.000
Phí Trọng Phúc	53.100.000	94.500.000
Đoàn Đức Luyện	53.100.000	31.500.000
Bùi Doãn Nhân	225.679.000	394.637.250
Ban Kiểm soát	<i>387.383.602</i>	<i>603.578.294</i>
Nguyễn Thị Mỹ Trang	173.570.700	354.280.000
Phạm Đức Phiên	53.100.000	67.500.000
Khoa Thị Thanh Huyền	160.712.902	181.798.294

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận chuyển nhượng cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green		
Ông Vũ Dương Hiền – Chủ tịch HĐQT	314.000.000.000	
Ông Vũ Xuân Cường – Thành viên HĐQT	68.000.000.000	
Ông Vũ Xuân Thịnh – Thành viên HĐQT	40.000.000.000	
Ông Vũ Xuân Thủy – Thành viên HĐQT	58.000.000.000	
Đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng		-
Ông Vũ Dương Hiền – Chủ tịch HĐQT	148.800.000.000	
Vay và lãi vay		
Trả tiền vay thành viên Ban lãnh đạo	-	2.000.000.000
Lãi tiền vay thành viên Ban lãnh đạo đã trả	-	72.657.534

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty. Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng thành viên
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty
Các đối tượng khác	
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội	Ông Vũ Dương Hiền là Giám đốc Công ty

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Vida Hải Phòng		
Phải thu bán hàng hoá	18.191.643.215	4.556.932.666
Thu tiền bán hàng hoá	16.654.745.292	4.661.127.468
Phải thu tiền chi hộ	-	1.400.000.000
Phải thu Công ty TNHH Vida Hải Phòng về cho vay	-	1.135.875.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng		
Phải thu tiền cổ tức	1.937.737.000	1.550.189.600
Thu tiền cổ tức	1.937.737.000	1.550.189.600

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.5; V.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Doanh nghiệp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, khu vực Hòa Bình, khu vực Hà Giang.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	414.722.082.196	168.793.920.700	21.410.249.300	20.461.842.705	-	625.388.094.901
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	41.810.565.100	24.916.010.061	(66.726.575.161)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	414.722.082.196	168.793.920.700	63.220.814.400	45.377.852.766	(66.726.575.161)	625.388.094.901
Chi phí bộ phận	312.750.654.144	122.634.746.838	53.707.962.252	35.739.889.816	(66.726.575.161)	458.106.677.889
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	101.971.428.052	46.159.173.862	9.512.852.148	9.637.962.950	-	167.281.417.012
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(227.024.955.015)	(227.024.955.015)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(59.743.538.003)	(59.743.538.003)
Doanh thu hoạt động tài chính					127.342.174.192	127.342.174.192
Chi phí tài chính					(49.388.263.529)	(49.388.263.529)
Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					-	-
Thu nhập khác					1.363.739.263	1.363.739.263
Chi phí khác					(1.959.489.448)	(1.959.489.448)
Chi phí thuế thụ nhập doanh nghiệp hiện hành					(10.839.530.329)	(10.839.530.329)
Chi phí thuế thụ nhập doanh nghiệp hoãn lại					-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					6.775.092.146	6.775.092.146
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.235.002.932	1.713.214.538	-	2.129.768.400	-	6.077.985.870
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.634.899.682	2.645.469.109	269.896.099	1.251.544.685	-	15.801.809.575

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Số cuối năm	Các khoản loại					
	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Cộng	
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.468.294.475.857	57.569.769.725	16.878.379.357	27.281.752.700	(218.431.489.151)	1.351.592.888.488
Tài sản phân bổ cho bộ phận						
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						
Tổng tài sản	1.468.294.475.857	57.569.769.725	16.878.379.357	27.281.752.700	(218.431.489.151)	1.351.592.888.488
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	80.602.016.197	18.708.667.712	6.026.463.325	6.460.818.930	(34.469.148.333)	77.328.817.831
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận						
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						
Tổng nợ phải trả	80.602.016.197	18.708.667.712	6.026.463.325	6.460.818.930	(34.469.148.333)	77.328.817.831

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại
- Lĩnh vực dịch vụ
- Lĩnh vực khác

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại	489.824.604.879	497.669.937.607
Lĩnh vực dịch vụ	135.563.490.022	
Cộng	625.388.094.901	497.669.937.607

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	21.643.525.703	-	-	21.643.525.703
Phải trả người bán	13.258.111.532	-	-	13.258.111.532
Các khoản phải trả khác	15.140.886.436	15.000.000	-	15.155.886.436
Cộng	50.042.523.671	15.000.000	-	50.057.523.671
Số đầu năm				
Vay và nợ	14.807.412.610	-	-	14.807.412.610
Phải trả người bán	12.648.319.538	-	-	12.648.319.538
Các khoản phải trả khác	18.216.356.484	15.000.000	-	18.231.356.484
Cộng	45.672.088.632	15.000.000	-	45.687.088.632

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.101.679.487	15.278.472.401	37.101.679.487	15.278.472.401
Chứng khoán kinh doanh	19.825.934.231	149.600	19.825.934.231	149.600
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	156.000.000.000	27.618.000.000	156.000.000.000	27.618.000.000
Phải thu khách hàng	58.403.429.350	76.025.393.093	58.403.429.350	76.025.393.093
Các khoản cho vay	31.235.875.000	61.388.275.000	31.235.875.000	61.388.275.000
Các khoản phải thu khác	490.703.869.011	233.159.632.818	490.703.869.011	233.159.632.818
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	446.077.979.068	232.754.990.393	446.077.979.068	232.754.990.393
Cộng	1.239.348.766.147	646.224.913.305	1.239.348.766.147	646.224.913.305
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	21.643.525.703	14.807.412.610	21.643.525.703	14.807.412.610
Phải trả người bán	13.258.111.532	12.648.319.538	13.258.111.532	12.648.319.538
Các khoản phải trả khác	15.155.886.436	18.231.356.484	15.155.886.436	18.231.356.484
Cộng	50.057.523.671	45.687.088.632	50.057.523.671	45.687.088.632

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.'

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

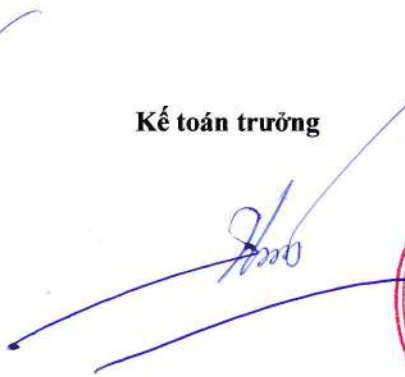
Số liệu so sánh đầu năm là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập, ngày 27 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách



Cao Thị Thúy Lan

Cao Thị Thúy Lan

Vũ Xuân Thủy